

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VELOCITI GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VELOCITI GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VELOCITI GROUP TECHNOLOGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VELOCITI GROUP TECHNOLOGY., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110545630

3. Ngày thành lập: 17/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14TM2-C2, 14TM2-C3 SUNRISE G, KĐT The Manor Central Park, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961 355 491

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633

6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn dược phẩm (theo điểm d khoản 2 Điều 32 Luật Dược năm 2016) - Bán buôn trang thiết bị y tế (theo Khoản 1 Điều 2 Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế); - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; Bán buôn ô dù; Bán buôn dao, kéo; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. (trừ loại Nhà nước cấm)	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ hoạt động đầu giá)	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đầu giá)	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đầu giá)	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. (trừ hoạt động đầu giá)	4659
11.	Trồng cây ăn quả	0121

12.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
13.	Trồng cây điều	0123
14.	Trồng cây hồ tiêu	0124
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng	8559
21.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
22.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...).	9610
23.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
24.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm.	9631
25.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đầu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
29.	Cổng thông tin Chi tiết: Sàn giao dịch thương mại điện tử (theo quy định tại Điều 35 của Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16/05/2013 về thương mại điện tử). (Trừ hoạt động báo chí, đầu giá)	6312

30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).	6619
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014).	6810
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản (theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Quản lý bất động sản (theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Sàn giao dịch bất động sản (theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Tư vấn bất động sản (theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014).	6820
33.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán).	7020
34.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo rượu, thuốc lá)	7310
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (không bao gồm thăm dò dư luận).	7320
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh như: cà phê, chè,...	4722

40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
41.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
45.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;	5629
46.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
47.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển.	7730
49.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ việc làm (theo quy định tại Điều 36 và Điều 39 của Luật việc làm số 38/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 16/11/2013), bao gồm: tư vấn, giới thiệu việc làm; cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động (không bao gồm: dịch vụ cho thuê lại lao động; dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trung tâm dịch vụ việc làm).	7810

50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4741
58.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4742
59.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng.	4759
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
61.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc (theo điểm đ khoản 2 Điều 32 Luật Dược năm 2016); - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ trang thiết bị y tế (theo Khoản 1 Điều 2 Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế).	4772

63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN THỊ NGỌC NGÀ	CH 2634 Tòa nhà VP5, đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	040187001071	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		

2	HOÀNG VĂN CHỊNH	Số 10, tổ 19/27, ngõ 22 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	027081000516
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000	
3	PHÙNG NGỌC LÊ	CH 1508 HH1C Linh Đàm, đường Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	001083006987
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000	
4	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Tổ 15, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	034083011561
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **PHÙNG NGỌC LÊ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/09/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001083006987*

Ngày cấp: *02/11/2023*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *CH 1508 HH1C Linh Đàm, đường Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CH 1508 HH1C Linh Đàm, đường Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội